

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:105/2019/HS-ST
Ngày 25/09/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Việt Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú – Bà Nguyễn Thị Thinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Linh Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Mai Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2019/HS-ST ngày 21/08/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-HS ngày 11/09/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn Q**, sinh năm:1986, địa chỉ: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ văn hóa lớp: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đăng D và con bà: Dương Thị S ; Vợ: Nguyễn Thị L. con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm: 2010. Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 113/HSST/2011, Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh N xử phạt 24 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/05/2019 đến ngày 05/06/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Đình H , sinh năm 1962 Vắng mặt

- Anh Hoàng Minh T , sinh năm 1982 Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn Q là người nghiện ma túy, khoảng 9 giờ ngày 31/5/2019, bị cáo Q đi bộ sang nhà anh Nguyễn Đình H, gần nhà bị cáo nói với anh H muốn ra thành phố N mua loa đài và nhờ anh H chở đi, anh H đồng ý rồi sử dụng xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 35B2-191.12 chở bị cáo Q đi ra khu vực thành phố N, khi đến khu vực ngã ba T, thành phố N thì bị cáo bảo anh H chở sang khu vực cầu No, xã Y, huyện Ý, tỉnh N để bị cáo vay tiền bạn rồi đi mua loa đài, anh H chở bị cáo qua cầu N khoảng 400m thì bị cáo bảo anh H dừng xe đứng đợi, còn bị cáo một mình đi bộ vào một ngõ nhỏ đến một ngôi nhà ven đường khóa cửa, thấy trên cánh cửa có lỗ nhỏ bị cáo biết bên trong có người bán ma túy nên bị cáo gõ cửa hai lần ý hỏi mua ma túy và lấy 500.000 đồng đưa qua lỗ cửa, trong nhà có người nhận tiền và đưa lại cho bị cáo một túi nilon màu trắng kích thước khoảng (2x2)cm bên trong có tinh thể màu trắng, biết là ma túy đá bị cáo cầm trên tay phải và đi bộ lại chỗ anh H đứng đợi rồi bảo anh H chở về thành phố N để mua loa đài. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh H chở bị cáo về đến khu vực đường Lương Văn T, phố 11, phường Đ, thành phố N trong lúc dừng xe chờ đèn đỏ thì gặp Tổ công tác Công an phường P phối hợp với Công an phường Đ, thành phố N đang làm nhiệm vụ, Tổ công tác yêu cầu kiểm tra hành chính đối với H và bị cáo, do sợ bị phát hiện bị cáo Q đã thả 01 túi nilon màu trắng bên trong có chất tinh thể màu trắng là ma túy đá mà bị cáo Q đang cầm ở bàn tay phải xuống mặt đường cạnh chỗ anh H dừng xe mô tô thì bị Tổ công tác phát hiện và yêu cầu bị cáo Q nhặt lên giao nộp, bị cáo Q chấp hành và khai nhận gói nilon nói trên là gói ma túy đá Q vừa mua bên khu vực cầu N, xã Y, huyện Ý, tỉnh N với giá 500.000 đồng về sử dụng, anh H không biết hành vi mua và cất giấu ma túy của bị cáo Q. Tổ công tác tiến hành thu giữ và niêm phong vật chứng thu giữ của bị cáo Q và đưa Q cùng tang vật về trụ sở công an phường Đ, thành phố N để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ của anh H 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 35B2-191.12.

Tiến hành cân xác định khối lượng chất tinh thể màu trắng ở trong 01 gói nilon nhỏ thu giữ của Lê Văn Q có khối lượng 0,285 gam kí hiệu M gửi giám định để xác định loại ma túy, khối lượng chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 166/KLGD - PC09 - MT ngày 03/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2789 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ. Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm: 0,1639 gam chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M là ma túy, loại Methamphetamine và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu. Như vậy, tổng khối lượng Methamphetamine mà bị cáo Lê Văn Q tàng trữ trái phép là 0,2789 gam.

Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 19/08/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 31/05/2019.

Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng vỏ, bao gói niêm phong ban đầu;

Bị cáo bị kết án phải nộp án phí HSST và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Q không có ý kiến gì với Bản kết luận giám định; Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N; lời nói sau cùng bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện công khai, hợp pháp đúng Pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên toà bị cáo Lê Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận ngày 31/05/2019 bị cáo Q có hành vi cất giữ trái phép 0,2789 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân, đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân gia tăng các tệ nạn xã hội, phát sinh các tội phạm khác, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, có thời gian nghiện kéo dài, năm 2011 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân Thành phố N xử phạt 24 tháng tù giam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 01/09/2012. Sau khi ra trại bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, quyết tâm từ bỏ ma túy trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn quay lại con đường nghiện ngập dẫn đến tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, lần phạm tội này Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tù có thời hạn, cách lý bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân, không mang mục đích vụ lợi, vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc ma túy: bị cáo Q khai mua ở một ngôi nhà cách cầu N khoảng 400m, thuộc xã Y, huyện Ý, tỉnh N. Q không biết tên, tuổi, đặc điểm nhận

dạng của người bán ma túy và không nhớ cụ thể vị trí, đặc điểm của ngôi nhà đã đến mua ma túy nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh làm rõ.

- Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra cơ quan công an có thu giữ của bị cáo 01 gói ma túy có khối lượng 0,2789 gam, đã trích một phần ký hiệu M gửi đi giám định, số ma túy còn lại là 0,1639 gam Methamphetamine Cơ quan Công an hoàn trả lại cùng toàn bộ vỏ, giấy gói ban đầu, vỏ bao gói niêm phong, đây là vật Nhà nước cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 35B2 - 191.12 thu giữ của anh Nguyễn Đình H, quá trình điều tra xác định là chủ sở hữu là anh H, ngày 31/05/2019 khi được bị cáo Q nhờ chở đi mua loa đài anh H không biết mục đích của Q cũng như việc Q đi mua ma túy và cất giữ trong người nên anh H không đồng phạm với bị cáo Q. Anh H đã có đơn xin nhận lại xe máy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Đình H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Q phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Q 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/05/2019.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: số Methamphetamine còn lại cùng toàn bộ vỏ, giấy gói ban đầu, vỏ bao gói niêm phong. (Vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 09 năm 2019 giữa Công an Thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn Q phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung Quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TANDTỉnh Ninh Bình;
- VKSNDTP Ninh Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- THA hình sự
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Việt Thanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Tú – Nguyễn Thị Thịnh

Trịnh Việt Thanh

